

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**



LÊ THỊ HỒNG NHIÊN

**XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA
HỌC - CÔNG NGHỆ TRONG THỜI KỲ ĐẨY
MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
Ở TỈNH VĨNH LONG**

Ngành: CNDVBC&CNDVLS

Mã số: 9.22.90.02

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHỦ NGHĨA DUY VẬT
BIỆN CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2025

Công trình được hoàn thành tại:
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS. NGUYỄN THẾ NGHĨA

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

vào lúc giờ ngày tháng năm 2025.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Đại học quốc gia TP. HCM.
- Thư viện Trường Đại học KHXH & NV, TP. HCM.
- Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN

1. Tác giả. *Using Vietnam's current contingent of scientific and technological intellectuals – reality and solutions* (Russian law journal, ISSN 2309-8678, Vol.11 (2023) Issue 3, P.1172-1178).

2. Tác giả. *Building Intellectual Staff of Science – Technology Industrialization and Modernization Promotion in Vietnam: The Case of Vinh Long Province* (International Journal of Sustainable Applied Sciences (IJSAS), ISSN: 3025-5597, Vol.2, No.5, 2024, p.445-462).

3. Tác giả. *Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ tại tỉnh Vĩnh Long hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, ISSN: 1859-1485, Số kỳ 2- 10/2023, tr. 217-220.

4. Tác giả. *Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Vĩnh Long*, Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị, ISSN: 2354-1040, Số 11 (117) - 2024, tr. 101-105.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Là một tầng lớp xã hội đặc biệt, đội ngũ trí thức (ĐNTT) đóng vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử phát triển của nhân loại. Trong thời đại hiện nay, vai trò và tầm ảnh hưởng của ĐNTT ngày càng trở nên quan trọng hơn, khi mà khoa học và công nghệ (KH-CN) trở thành yếu tố chủ đạo trong mọi hoạt động của đời sống, sản xuất, phát triển kinh tế. Tại Việt Nam, ĐNTT KH-CN là lực lượng nòng cốt, nguồn nhân lực chủ chốt góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước, thực hiện phát triển KH-CN, là lực lượng tiên phong nghiên cứu, đi đầu trong đổi mới, đột phá sáng tạo, đề xuất sáng kiến, ý tưởng, ứng dụng KH-CN và thúc đẩy chuyển đổi số.

Nhận thức rõ vai trò to lớn của ĐNTT, nhất là sự cần thiết phải xây dựng đội ngũ này, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về trí thức. Cụ thể là Nghị quyết Số 27-NQ/TW về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên tinh thần tổng kết Nghị quyết số 27 và tiếp tục khẳng định sự cần thiết phải xây dựng ĐNTT Việt Nam trong điều kiện mới. Ngày 24/11/2023 Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thay mặt Ban chấp hành Trung ương khóa XIII (2023) đã ký ban hành nghị quyết mới về trí thức. Nghị quyết số 45-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới. Đặc biệt, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Việc ban hành Nghị quyết 57 đã một lần nữa khẳng định tầm quan trọng, sự cần thiết phải xây dựng ĐNTT KH-CN trong thực hiện phát triển KH-CN, chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững giai đoạn mới.

Quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về xây dựng ĐNTT. Trong thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Vĩnh Long cũng đã rất quan tâm, chú trọng đến công tác xây dựng ĐNTT của tỉnh nhà thông qua việc ban hành nhiều chương trình hành động, nhiều nghị quyết, đề án như: Chương trình hành động số 21-CTr/TU, của Tỉnh ủy ngày 03/11/2008 về thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Quyết định số: 1855/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 12/8/2009 về ban hành Đề án xây dựng đội ngũ trí thức tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020; Quyết định số 1706/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 22/10/2013 về phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ trí thức tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020... Do vậy, công tác xây dựng ĐNTT Vĩnh Long nói chung, trí thức KH-CN nói riêng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: ĐNTT KH-CN ngày càng tăng về số lượng, nâng lên về chất lượng, nhiều trí thức được đào tạo một cách bài bản về trình độ chuyên môn ở những cơ sở uy tín trong nước và quốc

tế... Song, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác này vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: số lượng trí thức KH-CN có tăng nhưng nhiều; chất lượng có nâng lên nhưng chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu phát triển của địa phương; một số trí thức chưa phát huy năng lực, ít đầu tư tham gia nghiên cứu, sáng tạo; cơ cấu ĐNTT KH-CN phân bố không đều, còn một số bất hợp lý về ngành nghề, lĩnh vực công tác; việc thu hút trí thức có trình độ cao về công tác tại tỉnh chưa hiệu quả; ở một số ngành còn xảy ra tình trạng chảy máu chất xám...

Những hạn chế, bất cập trong công tác xây dựng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long đã, đang ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển, đẩy mạnh CNH, HĐH ở địa phương và rất cần được nghiên cứu, làm rõ để có hướng khắc phục. Tuy nhiên, cho đến nay, dưới góc độ nghiên cứu khoa học, đặc biệt, dưới góc độ triết học chưa có một công trình, đề tài nào đi vào luận bàn về vấn đề này một cách có hệ thống và trực tiếp xét từ phương diện lý luận lẫn cả thực tiễn.

Vì tất cả các lẽ trên, với mong muốn đi vào làm rõ thực trạng, trên cơ sở đó xác định phương hướng và giải pháp nhằm góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả trong công tác xây dựng ĐNTT KH-CN tại Vĩnh Long. Để từ đó, giúp họ có nhiều đóng góp xứng đáng hơn nữa vào công cuộc CNH, HĐH ở Vĩnh Long nói riêng và của cả nước nói chung, tác giả chọn đề tài: *Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Vĩnh Long* làm luận án Tiến sĩ Triết học của mình.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Những công trình nghiên cứu về trí thức và đội ngũ trí thức Việt Nam

Từ lâu, chủ đề trí thức đã thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu khoa học trên nhiều phương diện khác nhau của vấn đề này như: khái niệm, vai trò, đặc trưng của trí thức... Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Tập tiểu luận về trí thức Nga*, nhiều tác giả (Nga), do La Thành và Phạm Nguyên Trường dịch (2009), Nxb. Tri thức, Hà Nội; *Thế nào là người trí thức?* của Paul Alexandre Baran (1961), Tài liệu dịch của Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Hà Nội; *Từ kẻ sĩ thời xưa đến trí thức ngày nay của Long Biên* (1968); *Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước* do PGS. TS Đức Vượng chủ biên (2014), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội; *Trí thức Việt Nam với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0* của PGS.TS. Lê Văn Thắng và TS. Nguyễn Văn Tuấn đồng chủ biên (2018), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018; *Trí thức và vai trò của trí thức trong quá trình phát triển của Việt Nam hiện nay* của PGS.TS. Nguyễn Viết Thông và TS. Lê Thị Sự (2019), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội; *Trí thức Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc* do GS.TS Nguyễn Văn Khánh chủ biên (2020), Nxb. Tri thức, Hà Nội; *Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong tình hình mới* do TS. Lê Quang Thành làm chủ nhiệm (2019), Đề tài khoa học cấp bộ, Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ....

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu khoa học về ĐNTT Việt Nam, các tác giả đã đi vào luận bàn về nhiều nội dung quan trọng xoay quanh vấn đề ĐNTT

Việt Nam qua các giai đoạn khác nhau: giai đoạn đấu tranh giành độc lập dân tộc; giai đoạn xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cùng với việc làm rõ vị trí, đặc điểm, vai trò của ĐNTT Việt Nam, nhiều công trình nghiên cứu còn nhấn mạnh đến sự phát triển cả về số lượng, chất lượng của ĐNTT Việt Nam, những khía cạnh mới về chức năng, nhiệm vụ, chính sách tuyển dụng, đãi ngộ, giải pháp phát huy vai trò của ĐNTT, xây dựng và phát triển ĐNTT nhằm đáp ứng đòi hỏi, yêu cầu của tình hình đất nước trong giai đoạn mới. Mặc dù đã có nhiều quan điểm thống nhất về một số khía cạnh của ĐNTT, song vẫn tồn tại những ý kiến khác biệt về vấn đề này. Điều này cho thấy rằng nghiên cứu về ĐNTT vẫn còn nhiều khoảng trống cần được lấp đầy và cần tiếp tục được làm rõ trong thời gian tới.

2.2. Những công trình nghiên cứu về đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ và đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ Việt Nam

Kinh nghiệm của một số nước về phát triển giáo dục và đào tạo khoa học và công nghệ gắn với xây dựng đội ngũ trí thức nhiều tác giả (2010), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội; *Phát triển nhân lực công nghệ ưu tiên ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa* của Đặng Bá Lãm, Trần Đức Khánh (2002), Nxb. Giáo dục, Hà Nội; *Di động xã hội của nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới tại Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư* do Đoàn Thanh Trường chủ biên (2020), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội; *Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá* (qua điều tra khảo sát thực trạng ở một số tỉnh) do Tiên Sĩ Doãn Hùng chủ nhiệm (2004), Đề tài khoa học cấp Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội; *Đổi mới chính sách đối với trí thức khoa học - công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* do GS.TSKH Nguyễn Hữu Tăng chủ nhiệm (2005), Đề tài khoa học cấp Nhà nước, số hiệu ĐTĐL 2003-27, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; *Chính sách thu hút, đầu tư, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức khoa học, công nghệ trong bối cảnh mới* (2023), Tài liệu Hội thảo khoa học quốc gia, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh...

2.3. Những công trình nghiên cứu về đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ Vĩnh Long

Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lãnh đạo và phát triển nguồn nhân lực từ năm 2000 đến năm 2015, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử của Trương Thị Hồng Nga (2017), Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội; *Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lãnh đạo xây dựng đội ngũ trí thức - Kết quả và kinh nghiệm của Trương Thị Hồng Nga* (2017), Tạp chí Lý luận chính trị (9); *Trí thức khoa học - công nghệ Vĩnh Long trước cơ hội Cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ tư* (4.0), Tài liệu Hội thảo khoa học của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Vĩnh Long (2019); *Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức tỉnh Vĩnh Long trong thực hiện nhiệm vụ tư vấn phản biện và giám định xã hội*, Tài liệu Hội thảo khoa học của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Vĩnh Long (2024).

Trên cơ sở tiếp cận các công trình khoa học bàn về ĐNTT KH-CN Việt Nam, ĐNTT KH-CN tỉnh Vĩnh Long cho thấy, đến nay việc nghiên cứu vấn đề ĐNTT KH-CN còn rất ít. Song, ở nhiều phương diện khác nhau, các công trình cũng đã đề cập đến một số nội dung về ĐNTT KH-CN như: quan niệm về trí thức KH-CN; vai trò của ĐNTT Vĩnh Long trong tham gia hoạt động tư vấn, phản biện xã hội; thuận lợi và khó khăn, thách thức của ĐNTT KH-CN trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đổi mới chính sách nhằm thu hút, phát triển ĐNTT KH-CN... Đây chính là giá trị của các công trình; song, xoay quanh vấn đề này vẫn còn nhiều khoảng trống chưa được làm rõ như: Lý luận về ĐNTT KH-CN, khung lý thuyết về xây dựng ĐNTT KH-CN, thực trạng, giải pháp xây dựng ĐNTT KH-CN trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH... Vì vậy, tác giả luận án trên cơ sở tiếp thu, kế thừa có chọn lọc giá trị của các công trình trên; từ đó tiếp tục nghiên cứu và làm rõ một số vấn đề lý luận về ĐNTT KH-CN, xây dựng ĐNTT KH-CN, nhất là xác định khung lý thuyết xây dựng ĐNTT KH-CN, thực trạng và giải pháp xây dựng ĐNTT KH-CN... nhằm xây góp phần xây dựng cho Vĩnh Long ĐNTT KH-CN đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

3.1. Mục đích của luận án

Luận án làm rõ những vấn đề lý luận chung về trí thức, ĐNTT KH-CN Việt Nam, thực trạng xây dựng ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long. Từ đó, đề xuất phương hướng và một số nhóm giải pháp chủ yếu nhằm góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng ĐNTT KH-CN Vĩnh Long đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH.

3.2. Nhiệm vụ của luận án

Nhằm đạt được mục đích nghiên cứu đã đề ra, luận án thực hiện những nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận chung về trí thức, ĐNTT KH-CN Việt Nam.
- Phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH.
- Đề xuất phương hướng và giải pháp xây dựng ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

4.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Luận án nghiên cứu về ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long

4.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- Về nội dung: Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về trí thức, ĐNTT KH-CN Việt Nam; thực trạng xây dựng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long; phương hướng, giải pháp xây dựng ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long.
- Không gian: tỉnh Vĩnh Long
- Thời gian: Luận án nghiên cứu thực trạng xây dựng ĐNTT KH-CN ở tỉnh

Vĩnh Long từ năm 2013 (khi có Quyết định số 1706/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 22/10/2013 về phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ trí thức tỉnh Vĩnh Long) đến năm 2025.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

5.1. Cơ sở lý luận của luận án

Luận án này được nghiên cứu dựa trên nền tảng thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức và xây dựng ĐNTT.

5.2. Phương pháp nghiên cứu của luận án

- Phương pháp luận: Luận án được xây dựng dựa trên nền tảng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.
- Phương pháp cụ thể: lịch sử và lôgic, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, so sánh, thống kê.

6. Cái mới của luận án

- Luận án góp phần làm rõ thực trạng xây dựng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH.
- Trên cơ sở thực trạng xây dựng ĐNTT KH-CN, luận án đề xuất một số phương hướng cơ bản và những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng đội ngũ này ở Vĩnh Long trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH thời gian tới.

7. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của luận án

7.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài trình bày, phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận chung từ khái niệm, đặc điểm, vai trò của trí thức và trí thức KH-CN Việt Nam. Từ đó, góp phần bổ sung và làm sáng tỏ, phong phú thêm những tri thức lí luận về trí thức, trí thức KH-CN Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

Dựa trên kết quả phân tích và đánh giá thực trạng cùng với việc chỉ ra nguyên nhân của thực trạng, các nghiên cứu đã đề xuất những phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long. Những đề xuất này sẽ góp phần cung cấp và gợi mở cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban ngành, doanh nghiệp của tỉnh Vĩnh Long trong việc tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến công tác xây dựng ĐNTT KH-CN trong bối cảnh mới đặt ra hiện nay.

8. Kết cấu của luận án

Luận án được cấu trúc thành 3 chương, bao gồm 9 tiết và 28 tiểu tiết, không bao gồm phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TRÍ THỨC VÀ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TRÍ THỨC

1.1.1. Khái niệm trí thức

Theo Ja.Tchepanxky, hiện có trên 60 định nghĩa về trí thức (Phạm Tất Dong, 1995, tr.13). Còn theo tác giả Nguyễn Đắc Hưng, cho đến nay có gần 100 khái niệm hay định nghĩa về trí thức. Sau đây là một số định nghĩa, quan điểm tiêu biểu về trí thức.

Trong từ điển Triết học (1986), trí thức được định nghĩa “tập đoàn xã hội gồm những người làm nghề lao động trí óc. Giới trí thức bao gồm kỹ sư, kỹ thuật viên, thầy thuốc, luật sư, nghệ sĩ, thầy giáo và người làm công tác khoa học, một bộ phận lớn viên chức”. Từ điển Cộng sản chủ nghĩa khoa học (1986) có nêu “Trí thức là những người làm nghề lao động trí óc phức tạp và có học vấn chuyên môn cần thiết cho ngành lao động đó. Sự tồn tại của trí thức với tính cách là một nhóm xã hội đặc biệt gắn liền với việc phân công xã hội giữa lao động trí óc và lao động chân tay”.... Trong Sửa đổi lỗi làm việc, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Trí thức là hiểu biết... Một người học xong đại học, có thể gọi là trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: Công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa.

Hội nghị Trung ương 7 khóa X vào năm 2008 được xem là dấu mốc quan trọng khi Đảng ta chính thức ban hành nghị quyết chuyên đề về trí thức, đồng thời đưa ra định nghĩa mang tính chất nền tảng về đội ngũ này, cụ thể “Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu trí thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội”. Trên cơ sở tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2023, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thay mặt Ban chấp hành Trung ương ký ban hành Nghị quyết số 45-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh về bền vững trong giai đoạn mới. Nghị quyết 45-NQ/TW có nêu “trí thức là lực lượng lao động trí óc, có trình độ học vấn cao, chuyên môn sâu về một lĩnh vực, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo; giàu lòng yêu nước, có đạo đức và lý tưởng cách mạng, gắn bó với Đảng, Nhà nước và dân tộc”.

1.1.2. Đặc trưng của trí thức

Trí thức nói chung dù ở xã hội nào cũng mang những đặc trưng hết sức cơ bản và đây được xem là yếu tố quan trọng để phân biệt trí thức với các giai tầng xã hội khác. Sau đây là một số đặc trưng cơ bản, nổi bật của trí thức:

Một là, trí thức là một tầng lớp xã hội đặc biệt.

Hai là, trí thức là những người lao động trí óc phức tạp và có trình độ chuyên

môn sâu về lĩnh vực hoạt động của mình.

Ba là, trí thức là người có phẩm chất đạo đức, có nhân cách đặc sắc.

1.1.3. Vai trò của trí thức

Thứ nhất, trí thức có vai trò sáng tạo và ứng dụng tri thức.

Thứ hai, trí thức có vai trò phê phán và phản biện xã hội.

Thứ ba, trí thức có vai trò quan trọng trong đào tạo, bồi dưỡng lớp trí thức kế cận, đảm bảo sự kế thừa và phát triển nguồn nhân chất lượng cao cho đất nước.

Thứ tư, trí thức có vai trò tham gia quản lý xã hội.

1.2. LÝ LUẬN VỀ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

1.2.1. Khái niệm đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ

Tiến sĩ Doãn Hùng đã đưa ra quan niệm về trí thức KH-CN như sau: “Trí thức khoa học và công nghệ là những người lao động sáng tạo trên đất nước Việt Nam; là những kỹ sư, bác sĩ, giáo viên, nhà báo, những cán bộ khoa học kỹ thuật từ trung cấp trở lên hoạt động trong lĩnh vực sáng tạo”. PGS.TS Nguyễn Thế Nghĩa cho rằng: “Trí thức khoa học - công nghệ là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao và có chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ, hoạt động sáng tạo, truyền bá và ứng dụng tri thức khoa học - công nghệ vào thực tiễn, tạo ra những sản phẩm có giá trị cao góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”. PGS.TS Ngô Thị Phương Lan thì cho rằng: “Trí thức khoa học - công nghệ là những người hoạt động trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ (khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học sức khỏe, khoa học nông nghiệp...) với các vai trò khác nhau như nghiên cứu, giảng dạy hoặc tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất ra của cải, hàng hóa”.

Dựa trên các khái niệm về trí thức KH-CN như đã nêu, theo tác giả, có thể hiểu: trí thức khoa học - công nghệ là người động trí óc, có trình độ học vấn cao, chuyên môn sâu về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, là lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu, sáng tạo, chuyển giao và ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ cách tiếp cận về trí thức KH-CN, có thể đi đến khái quát ĐNTT KH-CN như sau: đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ là những người lao động trí óc, có trình độ chuyên môn cao về các lĩnh vực khoa học - công nghệ, đi đầu trong nghiên cứu, ứng dụng, phát triển sáng tạo KH-CN và thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

1.2.2. Đặc điểm của đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ Việt Nam

Một là, trí thức KH-CN Việt Nam được hình thành và phát triển gắn liền với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, họ có lòng yêu nước và tinh thần dân tộc hết sức cao cả. *Hai là*, trí thức KH-CN Việt Nam dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để định hướng hoạt động của mình. *Ba là*, ĐNTT KH-CN ở Việt Nam được đào tạo chuyên sâu từ nhiều chương trình trong nước và quốc tế, trải qua nhiều thế

hệ. *Bốn là*, ĐNTT KH-CN là một bộ phận quan trọng trong liên minh giai cấp ở Việt Nam.

1.2.3. Vai trò của đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ Việt Nam

Một là, trí thức KH-CN Việt Nam là lực lượng tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho đất nước, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. *Hai là*, ĐNTT KH-CN ở Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và đưa ra các luận điểm khoa học, góp phần xây dựng đường lối, chủ trương và chính sách phát triển của quốc gia. *Ba là*, ĐNTT KH-CN Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn, phản biện và giám định các vấn đề xã hội, góp phần xây dựng, hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. *Bốn là*, trí thức KH-CN Việt Nam có vai trò quan trọng trong phát minh, sáng tạo, làm chủ và triển khai ứng dụng các thành tựu KH-CN vào thực tiễn cuộc sống. *Năm là*, ĐNTT KH-CN Việt Nam giữ vai trò đi đầu trong học tập, nghiên cứu, phổ biến, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng 4.0.

1.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

1.3.1. Khái niệm xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ

Trong từ điển tiếng Việt (2003) “xây dựng là làm cho hình thành một tổ chức hay một chỉnh thể về xã hội, chính trị, kinh tế, văn hoá theo một phương hướng nhất định”. Xét ở một ngữ cảnh cụ thể của động từ xây dựng gắn với xây dựng ĐNTT KH-CN, đó là hành động tạo lập, phát triển và tổ chức một đội ngũ bao gồm những người có tri thức, trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực KH-CN nhằm mục tiêu nâng cao năng lực nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng KH-CN vào thực tiễn, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước. Xây dựng ở đây không chỉ đơn thuần là việc tạo ra một ĐNTT mới, mà còn bao hàm cả quá trình phát triển và hoàn thiện đội ngũ này. Trong đó, tạo lập là bước đầu tiên bao gồm việc tuyển chọn và thu hút những cá nhân có năng lực và đam mê trong các lĩnh vực KH-CN.

1.3.2. Nội dung xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ

1.3.2.1. Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ về số lượng

Trong xây dựng ĐNTT KH-CN, phải đảm bảo số lượng trí thức ngày càng đông đảo, ngày càng không ngừng tăng lên, không ngừng phát triển. Sự phát triển mạnh mẽ về lượng của trí thức đóng vai trò là nền tảng, là yếu tố then chốt dẫn đến thành công của CNH, HĐH. Bởi nếu không có ĐNTT KH-CN đông về số lượng sẽ không thể thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu mà CNH, HĐH đòi hỏi theo hướng ngày càng cao, ngày càng nhiều.

1.3.2.2. Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ về chất lượng

Về trí lực:

Trí lực là yếu tố đặc biệt quan trọng tạo nên mặt chất trong người trí thức KH-CN. Một ĐNTT thật sự có chất lượng không thể không có trí lực. Trí lực được thể hiện qua nhiều khía cạnh, bao gồm: trình độ (học vấn, chuyên môn, tin học, ngoại ngữ...), kỹ năng nghề nghiệp, năng lực NCKH và khả năng ứng dụng KH-CN...

Về thể lực:

Thể lực cũng đóng một vai trò rất cần thiết trong việc nâng cao chất lượng của ĐNTT KH-CN. Thể lực của trí thức không chỉ đơn thuần là ở sức mạnh cơ bắp, mà còn thể hiện qua nhiều khía cạnh khác nhau, trong đó bao gồm: thể chất, tinh thần, sức lao động, sự nhanh nhẹn, tháo vát...

Về tâm lực:

Tâm lực được xem là một yếu tố không thể thiếu trong việc góp phần nâng cao chất lượng của ĐNTT KH-CN. Tâm lực được thể hiện một số khía cạnh như: đạo đức, phẩm chất, ý thức công hiến, tinh thần trách nhiệm... Những phẩm chất này chính là mặt tinh thần thuộc về tâm lực của ĐNTT. Xây dựng ĐNTT KH-CN về chất lượng phải đặc biệt quan tâm đến xây dựng, bồi dưỡng những đặc điểm này.

1.3.2.3. Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ về cơ cấu

Cơ cấu ĐNTT KH-CN được xem xét, phản ánh trên nhiều phương diện trong đó có thể kể đến như: cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu giới tính... Đối với Việt Nam, xây dựng ĐNTT KH-CN có cơ cấu phù hợp là phải đảm bảo có sự hợp lý về trình độ học vấn, chuyên môn; về cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực công tác cũng như đảm bảo có sự phù hợp về độ tuổi, giới tính. Điều đó đồng nghĩa không thể có sự chênh lệch quá lớn trong ĐNTT KH-CN về tất cả các yếu tố trên.

Kết luận chương 1

Mặc dù có nhiều quan niệm về trí thức từ trong nước cũng như ngoài nước. Nhưng tựu trung lại, trí thức là người có trình độ học vấn, chuyên môn cao, tham gia hoạt động trong lĩnh vực lao động trí óc, tạo ra các giá trị tinh thần và vật chất phục vụ cho xã hội. Trí thức nói chung dù ở bất kỳ xã hội nào họ cũng có vai trò hết sức quan trọng. Họ chính là người trực tiếp sáng tạo, ứng dụng tri thức; tham gia phản biện xã hội, quản lý xã hội...

Ở Việt Nam, là bộ phận quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao, ĐNTT KH-CN chính là lực lượng nòng cốt, hạt nhân của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế số đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay. Là tập hợp của những người có trình độ chuyên môn sâu về các lĩnh vực KH-CN (khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ...), ĐNTT KH-CN đang đảm đương nhiều vai trò khác nhau, trong đó có thể kể đến như: tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu đưa ra các luận điểm khoa học, góp phần xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển của quốc gia; nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu KH-CN vào thực tiễn cuộc sống, nhất là nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Vai trò của ĐNTT KH-CN là rất rõ. Song, để đội ngũ này tiếp tục phát huy ngày càng tốt hơn nữa vai trò của mình trong bối cảnh mới đặt ra hiện nay, việc nghiên cứu và xác định khung lý thuyết về xây dựng ĐNTT KH-CN là hết sức cần thiết. Xây dựng ĐNTT KH-CN Việt Nam phải tập trung vào các nội dung: số lượng, chất lượng, cơ cấu. Trên cơ sở xác định nội dung xây dựng ĐNTT KH-CN, các ngành, các địa phương có cơ sở, căn cứ để đánh giá đúng, thực chất về thực trạng của đội ngũ này; từ đó đưa các giải

pháp phù hợp, khả thi nhằm xây dựng ĐNTT KH-CN đông về số lượng, mạnh về chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

Chương 2. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ THỰC TRẠNG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH VĨNH LONG

2.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ Ở TỈNH VĨNH LONG

2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên ở tỉnh Vĩnh Long

Vĩnh Long thuộc một trong 13 tỉnh thành phố của Đồng bằng sông Cửu Long, với diện tích 1.487,37km², chiếm 0,6% diện tích cả nước. Vĩnh Long hiện có 8 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 6 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố; 102 đơn vị hành chính cấp xã. Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, Vĩnh Long có khí hậu đặc trưng với hai mùa rõ rệt mùa khô và mùa mưa. Vĩnh Long được thiên nhiên ưu ái ban tặng điều kiện khí hậu ôn hòa, thổ nhưỡng màu mỡ, nguồn nước dồi dào, trở thành một vùng đất trù phú có tiềm năng phát triển nông nghiệp với nhiều sản phẩm đa dạng, phong phú.

2.1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế - xã hội ở tỉnh Vĩnh Long

Một là, về kinh tế.

Đối với nông nghiệp:

Được thiên nhiên ưu ái ban tặng điều kiện khí hậu ôn hòa, thổ nhưỡng màu mỡ, nguồn nước dồi dào, Vĩnh Long trở thành một vùng đất trù phú có tiềm năng phát triển nông nghiệp với nhiều sản phẩm đa dạng, phong phú. Các sản phẩm nông nghiệp được xem là thế mạnh của Vĩnh Long bao gồm: trái cây, lúa, gạo, thủy sản.

Đối với công nghiệp:

Trong giai đoạn 5 năm từ 2016-2020, Vĩnh Long đã khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển ngành công nghiệp. Nhờ vậy, cơ cấu kinh tế của tỉnh dần chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng ngành công nghiệp. Năm 2015, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 16,57%, riêng năm 2024 là 23,28%. Giai đoạn tới, định hướng phát triển của tỉnh là tiếp tục tập trung vào khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế vốn có của địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến để sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và nội địa. Đặc biệt, ưu tiên chú trọng phát triển các ngành công nghiệp chủ lực như chế biến nông sản, thực phẩm và đồ uống; sản xuất vật liệu xây dựng; dệt may, da giày; hóa chất, dược phẩm và thiết bị y tế.

Đối với thương mại, dịch vụ:

Hiện toàn tỉnh Vĩnh Long có 115 chợ truyền thống, 5 siêu thị, 50 cửa hàng tiện lợi và một trung tâm thương mại. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu

dịch vụ luôn duy trì ở mức tăng, trung bình khoảng 19.3% mỗi năm. Kim ngạch xuất khẩu ghi nhận mức tăng trưởng tích cực qua các năm. Năm 2013, kim ngạch xuất khẩu đạt 432 triệu USD. Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.006 triệu USD, tăng 32,93% so với năm 2023. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh gồm: gạo, thủy sản đông lạnh, trứng muối, hàng thủ công mỹ nghệ, giày các loại và các mặt hàng nông sản... Các thị trường truyền thống trong xuất khẩu ở Vĩnh Long như: châu Âu, Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản.

Hai là, về xã hội.

Về dân cư:

Đến ngày 01 tháng 12 năm 2024, tỉnh Vĩnh Long có tổng dân số là 1.035.362 người, đứng thứ 10 trong số 13 tỉnh thành của Đồng bằng sông Cửu Long, với mật độ dân số đạt 684 người/km². Trong đó, số người sống ở thành thị là 165.658 người, chiếm tỷ lệ 16,6% dân số toàn tỉnh, số người sống ở nông thôn là 869.704 người, chiếm tỷ lệ 83,4% dân số (Tài liệu bồi dưỡng kiến thức lịch sử, văn hóa, xã hội Vĩnh Long, 2025, tr.13). Tỉnh hiện có 19 dân tộc cùng sinh sống (Kinh, Hoa, Khmer, Chăm, Mường, Tày, Thái...). Dân tộc kinh chiếm đa số với 997.792 người, tiếp theo là người Khmer 25.826 người và người Hoa 6.987 người. Về tôn giáo, Vĩnh Long có 262.280 người theo 11 tôn giáo khác nhau, tạo nên bức tranh tín ngưỡng đa dạng và phong phú.

Về y tế:

Tỉnh Vĩnh Long hiện có 115 cơ sở khám chữa bệnh do nhà nước quản lý, bao gồm: 96 trạm y tế xã phường, 02 phòng khám đa khoa khu vực, 17 bệnh viện với tổng số 5.063 giường bệnh. Bên cạnh đó, với đội ngũ nhân lực y tế khoảng 4.500 người, Vĩnh Long đang không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cho người dân. Trong đó, 10,3 bác sĩ/10.000 dân là minh chứng cho sự quan tâm của tỉnh trong việc phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao.

Về GD&ĐT:

Tỉnh hiện có mạng lưới giáo dục rộng khắp với 440 trường học; trong đó, mầm non: 130 trường, tiểu học: 187 trường, trung học cơ sở: 89 trường và trung học phổ thông là 24 trường. Đối với hệ thống giáo dục cao đẳng và đại học: Tỉnh có 02 trường cao đẳng, 03 trường đại học và 01 phân hiệu đại học. Hàng năm, các cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã tham gia đào tạo đông đảo lực lượng sinh viên trong tỉnh và các tỉnh lân cận, kể cả nước ngoài. Nhờ sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống giáo dục cao đẳng và đại học, Vĩnh Long đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương cũng như cả nước. Hiện nay, số sinh viên Vĩnh Long theo học tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn đạt trung bình 233 sinh viên/10.000 dân. Giai đoạn 2013-2024, các trường đã tuyển sinh hơn 98.986 sinh viên đại học, 3.785 học viên cao học và 15 nghiên cứu sinh.

2.1.2. Đặc điểm của đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ ở tỉnh Vĩnh Long

Thứ nhất, ĐNTT KH-CN Vĩnh Long có truyền thống hiếu học và được duy trì, phát huy qua nhiều thế hệ. *Thứ hai*, ĐNTT KH-CN Vĩnh Long số lượng tuy có tăng nhưng có sự bất hợp lý về trình độ chuyên môn. *Thứ ba*, ĐNTT KH-CN Vĩnh Long chủ yếu là người ở địa phương, phần lớn được đào tạo tại các cơ sở đào tạo ở Vĩnh Long và các chương trình liên kết với một số trường đại học ngoài tỉnh.

2.2. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH VĨNH LONG

2.2.1. Mục tiêu và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Vĩnh Long

2.2.1.1. Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Vĩnh Long

Về mục tiêu chung: “Đến năm 2030, Vĩnh Long phấn đấu trở thành một tỉnh có nền công nghiệp hiện đại, bền vững và thân thiện với môi trường, với mức thu nhập trung bình cao và đời sống người dân được cải thiện rõ rệt. Phát triển công nghiệp kết hợp chặt chẽ với nông nghiệp, tạo ra sự liên kết mạnh mẽ, khả năng tự chủ và khả năng thích ứng cao. Áp dụng các công nghệ tiên tiến trong các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên và mũi nhọn. Một số sản phẩm công nghiệp chế biến sẽ có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, theo hướng bền vững và sinh thái, ứng dụng rộng rãi khoa học và công nghệ hiện đại... Về mục tiêu cụ thể của CNH, HĐH ở Vĩnh Long đến năm 2030, tỉnh xác định như sau: “Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 8,0%; GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 146 triệu đồng (theo giá hiện hành); Tỷ lệ đóng góp của các ngành trong cơ cấu kinh tế: khu vực nông nghiệp và thủy sản chiếm 19,8%, công nghiệp và xây dựng chiếm 30,2% (trong đó công nghiệp chiếm 22,2% GRDP), dịch vụ chiếm 43,5%, và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 6,5%; tỷ trọng kinh tế số chiếm 30% trong GRDP...”

2.2.1.2. Nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Vĩnh Long

Thứ nhất, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, theo hướng chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh. *Thứ hai*, phát triển nhanh một số ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, trọng tâm là các ngành có khả năng sử dụng đầu vào là các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh như: chế biến, bảo quản nông sản, thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; chế tạo linh kiện, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; hóa dược... *Thứ ba*, thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, nhất là ở lĩnh vực công nghiệp. *Thứ tư*, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững. *Thứ năm*, cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

2.2.2. Đặc điểm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Vĩnh Long

Một là, quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Vĩnh Long dựa trên lực lượng lao động tại chỗ đông đảo; tuy nhiên, nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực có

trình độ chuyên môn còn hạn chế. *Hai là*, CNH, HĐH ở tỉnh Vĩnh Long dựa vào lợi thế phát triển kinh tế của địa phương. *Ba là*, CNH, HĐH ở Vĩnh Long được thực hiện dựa trên nền nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, có khả năng cung cấp nguyên liệu dồi dào cho các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông sản. *Bốn là*, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của tỉnh đang ngày càng phát triển mạnh mẽ, tạo tiền đề thuận lợi cho quá trình cải tiến khoa học kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới, góp phần đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH của Vĩnh Long.

2.3. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH VĨNH LONG

2.3.1. Thực trạng xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Vĩnh Long

2.3.1.1. Thực trạng về số lượng, chất lượng, cơ cấu của đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ

Thực trạng về số lượng của ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long:

Theo số liệu thống kê, năm 2013, tỉnh Vĩnh Long có 14.168 trí thức KH-CN có trình độ đại học trở lên. Đến năm 2025, con số này đã tăng lên 28.727 người. So với năm 2013, năm 2025, ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long tăng thêm 14.559 người. Đây được xem là một trong những thành tựu hết sức to lớn, nổi bật trong xây dựng và phát triển ĐNTT KH-CN của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Vĩnh Long, góp phần quan trọng vào sự phát triển đi lên của địa phương.

Thực trạng về chất lượng của ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long:

- Thực trạng về thể lực:

Nhờ có sự phát triển KT-XH trong những năm qua, đời sống người dân Vĩnh Long đã được cải thiện rõ rệt. Biểu hiện cụ thể là thu nhập bình quân đầu người tăng lên hàng năm. Nhờ có sự phát triển KT-XH trong những năm qua, đời sống người dân Vĩnh Long đã được cải thiện rõ rệt. Biểu hiện cụ thể là thu nhập bình quân đầu người tăng lên hàng năm. Theo thống kê, năm 2013, thu nhập bình quân đầu người tại Vĩnh Long chỉ đạt 24,6 triệu đồng. Đến năm 2024, thu nhập bình quân là 85,2 triệu đồng. Nếu năm 2014, HDI của Vĩnh Long đạt 0,695, tương đương với mức trung bình cả nước (0,696) và cao hơn so với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (0,669). Năm 2024, HDI của Vĩnh Long tiếp tục ghi nhận sự lên là 0.725. Về tuổi thọ trung bình, năm 2014 tuổi thọ trung bình của người dân ở Vĩnh Long là 74,93 tuổi đến năm 2024, tuổi thọ trung bình là 76,1 tuổi.

- Thực trạng về trình độ chuyên môn:

Ở Vĩnh Long, so với năm 2013, năm 2025 số trí thức KH-CN có trình độ đại học tăng thêm 11.294 người từ 13.395 người lên 24.689 người, tăng 1,84 lần. Tương tự, thạc sĩ tăng 2.880 người từ 704 người lên 3.584 người, tăng 5,09 lần. Tiến sĩ tăng 385 người từ 69 người lên 454 người, tăng 6,57 lần. Nhìn chung, trong tổng số ĐNTT KH-CN, trí thức có trình độ đại học chiếm số lượng đông nhất. Năm 2013, ĐNTT KH-CN có trình độ đại học là 13.395 người (chiếm

94,54%), năm 2025 là 24.689 người (chiếm 85,94%). Như vậy, trong giai đoạn từ 2013-2025, số lượng trí thức KH-CN ở hầu hết các trình độ từ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đều tăng.

- Thực trạng hoạt động NCKH:

Ở Vĩnh Long ĐNTT KH-CN cũng đã tích cực trong tham gia chủ trì các nhiệm vụ KH-CN các cấp; trong đó tập trung nhiều ở đề tài cấp trường và số lượng đề tài cấp trường được thực hiện ngày càng tăng lên (năm 2013 có 89 đề tài, năm 2020 có 134 đề tài, năm 2025 có 151 đề tài), Song, so với tổng số trí thức KH-CN của các trường Đại học ở Vĩnh Long hiện nay (2.064 người), thì việc thực hiện đề tài như trên vẫn còn rất ít. Bên cạnh đó, số đề tài cấp cơ sở và cấp tỉnh cũng chưa nhiều và nhất là đề tài cấp tỉnh (năm 2013 có 5 đề tài, năm 2020 có 3 đề tài, năm 2025 có 7 đề tài). Riêng đề tài cấp bộ trong thời gian này tỉnh chưa thực hiện. Cùng với thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, đội ngũ giảng viên các trường Đại học ở Vĩnh Long cũng rất quan tâm đến viết các bài báo khoa học. So với năm 2013, số bài báo được công bố năm 2020 và 2024 tăng lên đáng kể cả công bố quốc tế lẫn trong nước. Nếu năm 2013, chỉ có 9 bài báo được công bố trên tạp chí quốc tế thì năm 2020 có 64 bài và năm 2025 tăng lên 78 bài. Tương tự số lượng bài báo trong nước cũng tăng từ 54 bài năm 2013 lên 213 bài năm 2020 và 208 bài năm 2025.

- Thực trạng tham gia tư vấn, giám định và phản biện xã hội:

Từ năm 2014 đến 2024, ĐNTT KH-CN tỉnh Vĩnh Long đã thực hiện được 1.121 báo cáo tư vấn, phản biện xã hội cho Hội đồng thẩm định, nghiệm thu đề tài khoa học, một số dự án, đề án, quy hoạch của tỉnh, của ngành. Trong đó, ĐNTT KH-CN Vĩnh Long đã thực hiện được 352 báo cáo tư vấn, phản biện đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học; 219 báo cáo tư vấn, phản biện đối với các dự án của tỉnh; 308 báo cáo tư vấn, phản biện đối với các đề án; 242 báo cáo tư vấn, phản biện đối với các quy hoạch của tỉnh.

- Thực trạng về phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật:

Nhìn chung, trong điều kiện của một địa phương vốn còn nhiều khó khăn về kinh tế, quá trình tiến hành CNH, HĐH ở Vĩnh Long đã rèn luyện, hun đúc cho ĐNTT KH-CN những phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh và tinh thần cống hiến hết mình cho sự nghiệp khoa học kỹ thuật địa phương. Nhờ vậy, trong quá trình công tác, lao động, họ luôn nêu cao tinh thần yêu nghề, hăng say công việc và không ngừng nâng cao tác phong làm việc khoa học, góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh Vĩnh Long. Với lòng quyết tâm và sự kiên trì, nhiều trí thức đã vượt qua mọi rào cản, gặt hái được những thành tựu to lớn trong lĩnh vực NCKH và GD&ĐT.

Thực trạng về cơ cấu của ĐNTT KH-CN:

Về cơ cấu thành phần xuất thân: Ở tỉnh Vĩnh Long, ĐNTT KH-CN đa phần có xuất thân từ nông dân.

Về cơ cấu trình độ:

Ở Vĩnh Long nhìn chung có sự mất cân đối. Số trí thức KH-CN trình độ đại

học chiếm tỷ lệ rất cao trong tổng số trí thức, số trí thức có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ chiếm tỉ lệ còn thấp. Cụ thể, năm 2013, tỉnh Vĩnh Long có 14.168 trí thức KH-CN có trình độ đại học trở lên; trong đó: đại học 13.395 chiếm 94,54%; 704 trí thức có trình độ thạc sĩ chiếm 4,97%; 69 tiến sĩ chiếm 0,48%. Năm 2025, số trí thức có trình độ đại học trở lên là 28.727 người; trong đó: đại học là 24.689 chiếm 85,94%; 3.584 thạc sĩ chiếm 12,47%; 454 tiến sĩ chiếm khoảng 1,58%. Trí thức KH-CN có trình độ cao, nhất là trình độ tiến sĩ tập trung chủ yếu là ở các trường Đại học. Năm 2013, trí thức có trình độ tiến sĩ ở các trường đại học là 63 người trong tổng số 69 tiến sĩ toàn tỉnh; năm 2025 là 410 người trong tổng số 454 tiến sĩ. Đối với các doanh nghiệp, không có trí thức trình độ tiến sĩ.

Về cơ cấu thành phần dân tộc:

Do đặc điểm của cơ cấu xã hội - dân cư ở Vĩnh Long nên ĐNTT KH-CN ở đây chủ yếu là người kinh. Toàn tỉnh Vĩnh Long chỉ có 611 trí thức KH-CN người DTTS có trình độ đại học trở lên. Trong đó, có 506 trí thức KH-CN có trình độ đại học, 04 trí thức có trình độ thạc sĩ và 01 trí thức có trình độ tiến sĩ (chiếm 0,16%).

Về cơ cấu giới tính:

Đối với cơ cấu giới tính giữa ĐNTT KH-CN nam và ĐNTT KH-CN, nhìn chung không có nhiều chênh lệch. Năm 2013, trong tổng số 14.168 trí thức KH-CN, trí thức nam là 7.561 người chiếm khoảng 53,37%, trí thức nữ là 6.607 người chiếm khoảng 46,63%. Năm 2025, trí thức nam là 14.808 người, chiếm 51,55%, trí thức nữ 13.919 người, chiếm 48,45%. .

Về cơ cấu nhóm tuổi:

Theo kết quả thống kê, trong 04 nhóm độ tuổi, trí thức có độ tuổi dưới 30 chiếm tỷ lệ thấp nhất (16,31% năm 2013; 11,65% năm 2025). Trí thức ở nhóm tuổi từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (37,29% năm 2013; 38,96% năm 2025). Trí thức độ tuổi từ 40 đến dưới 50 chiếm tỷ lệ cũng khá cao (27,98% năm 2013; 28,77% năm 2025).

2.3.1.2. Thực trạng sử dụng, đãi ngộ đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ

- Thực trạng sử dụng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long:

Một là, sự phù hợp giữa công việc và trình độ chuyên môn của ĐNTT.

Ở Vĩnh Long, việc bố trí, sắp xếp công việc đối với ĐNTT KH-CN thời gian qua cũng được tỉnh rất chú trọng. Sau khi được tuyển dụng, nhiều trí thức KH-CN đã được tỉnh phân công, bố trí vào các vị trí công việc phù hợp với chuyên ngành và kinh nghiệm, từ đó giúp họ có thể tận dụng và phát huy tốt khả năng của mình.

Hai là, việc đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất đảm bảo hoạt động của ĐNTT.

Để sử dụng một cách có hiệu quả ĐNTT KH-CN, tỉnh Vĩnh Long cũng đã rất quan tâm đến việc đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, trang thiết bị tiên tiến nhằm phục vụ, đáp ứng yêu cầu công việc của trí thức. Qua đó, giúp họ phát huy tối đa tiềm năng và cống hiến cho sự phát triển của tỉnh nhà.

Ba là, về môi trường làm việc.

Bên cạnh việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiên cứu

KH&CN, tỉnh Vĩnh Long còn chú trọng xây dựng và hoàn thiện môi trường làm việc theo hướng ngày càng chuyên nghiệp cho ĐNTT. Từ đó đã giúp cho người trí thức được có cơ hội nói lên tiếng nói phản biện của mình. Tuy nhiên, vẫn còn một số nơi môi trường làm việc chưa thật sự đảm bảo dân chủ, cơ hội để trí thức tỏa sáng, phát triển.

- Thực trạng chế độ đãi ngộ đối với ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long:

Trong thời gian qua, Tỉnh ủy, chính quyền Vĩnh Long cũng đã rất quan tâm đến việc thực hiện chính sách, chế độ đối với ĐNTT, nhất là trí thức KH-CN. Cụ thể, tỉnh đã ban hành và triển khai nhiều chính sách nhằm thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ trí thức từ trong công tác đến học tập. Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng, Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Long cũng đã ban hành Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND, ngày 28/7/2011 quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức thuộc diện quy hoạch nguồn của tỉnh. Nghị quyết này áp dụng cho cán bộ, công chức thuộc diện quy hoạch nguồn của tỉnh được cơ quan cử đi học thông qua Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập. Ngoài các chế độ đãi ngộ theo quy định của tài chính, cán bộ, công chức còn được hưởng chính sách hỗ trợ đặc biệt như sau: Thạc sĩ 35 triệu, tiến sĩ 50 triệu. Mức hỗ trợ này người học sẽ được nhận sau khi có bằng tốt nghiệp.

2.3.2. Đánh giá thực trạng xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ ở tỉnh Vĩnh Long

2.3.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân trong xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ ở tỉnh Vĩnh Long

- Những kết quả đạt được trong xây dựng ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long:

Thứ nhất, ĐNTT KH-CN tỉnh Vĩnh Long có số lượng ngày càng tăng và chất lượng ngày càng nâng lên. *Thứ hai*, công tác đào tạo, bồi dưỡng ĐNTT KH-CN được quan tâm, từ đó đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc nâng cao năng lực, trình độ cho trí thức. *Thứ ba*, Tỉnh ủy Vĩnh Long quan tâm chỉ đạo thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ đối với ĐNTT KH-CN.

- Nguyên nhân của những kết quả đạt được trong xây dựng ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long:

Một là, một số cấp ủy Đảng, chính quyền và người đứng đầu đã nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng, phát triển ĐNTT KH-CN đối với sự phát triển về mọi mặt của tỉnh Vĩnh Long. *Hai là*, sự phát triển của hệ thống các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng và quá trình đẩy mạnh thực hiện chính sách xã hội hóa GD&ĐT. *Ba là*, kinh tế của địa phương đã từng bước phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên. *Bốn là*, nhờ quá trình CNH, HĐH, cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động tại Vĩnh Long đã có những bước chuyển dịch rõ rệt, tạo điều kiện cho sự xuất hiện của các ngành, lĩnh vực đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ cao và chuyên môn sâu. *Năm là*, sự phấn đấu, nỗ lực của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, kết hợp với sự tâm huyết và cống hiến của ĐNTT đã tạo nguồn động lực mạnh mẽ cho trí thức KH-CN ở Vĩnh Long

đã không ngừng gia tăng về số lượng. *Sáu là*, quá trình hội nhập quốc tế đã mở ra cơ hội cho trí thức KH-CN Vĩnh Long giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm với bạn bè quốc tế qua các hoạt động như hội thảo khoa học, tọa đàm, trao đổi học thuật; từ đó góp phần nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu của ĐNTT KH-CN địa phương.

2.3.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ ở tỉnh Vĩnh Long

- Hạn chế trong xây dựng ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long:

Một là, chất lượng của ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long mặc dù được nâng lên nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển KT-XH tại địa phương. *Hai là*, việc thu hút trí thức có trình độ cao về công tác tại tỉnh chưa thật sự hiệu quả; ở một số ngành còn xảy ra tình trạng “chảy máu chất xám”, nhất là ở các ngành, lĩnh vực đòi hỏi nhân lực trình độ cao như: y tế, khoa học kỹ thuật... *Ba là*, cơ cấu ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long phân bố không đều giữa các ngành, khu vực, còn một số bất hợp lý về trình độ. *Bốn là*, mặc dù tỉnh có chú trọng đến chính sách tuyển dụng, thu hút, đãi ngộ đối với trí thức nhưng chính sách chưa thật sự đồng bộ, chưa hợp lý.

- Nguyên nhân của những hạn chế trong xây dựng ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long:

Thứ nhất, nguyên nhân từ nhận thức. *Thứ hai*, nguyên nhân từ trình độ của nền kinh tế và quá trình CNH, HĐH. *Thứ ba*, nguyên nhân từ cơ chế, chính sách. *Thứ tư*, nguyên nhân từ môi trường làm việc của trí thức. *Thứ năm*, nguyên nhân từ bản thân trí thức.

2.3.3. Những vấn đề đặt ra đối với xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ ở Vĩnh Long

Một là, sự bất tương xứng giữa yêu cầu cao của sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH với khả năng thực tế của ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long.

Hai là, sự chênh lệch trong nhận thức của hệ thống chính trị và của người dân về vai trò, tầm quan trọng của ĐNTT KH-CN đối với sự phát triển của tỉnh Vĩnh Long.

Ba là, sự hạn chế, bất cập về số lượng, chất lượng, cơ cấu ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long và tình trạng “chảy máu chất xám”.

Bốn là, sự không tương xứng giữa yêu cầu, mục đích xây dựng, phát triển ĐNTT KH-CN với cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ đối với đội ngũ này ở Vĩnh Long hiện nay.

Kết luận chương 2

Tỉnh Vĩnh Long đang trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH và thực hiện chuyển đổi số. Quá trình CNH, HĐH ở nơi đây mang một số đặc điểm cụ thể, nổi bật xuất phát từ điều kiện, tình hình thực tiễn của địa phương, trong đó có thể kể đến như: nguồn lực lượng lao động tại chỗ đông đảo, tuy nhiên nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực có trình độ chuyên môn phục vụ cho quá trình CNH, HĐH còn hạn chế. CNH, HĐH ở tỉnh Vĩnh Long dựa vào lợi thế phát triển kinh tế

của địa phương; dựa trên nền nông nghiệp triển mạnh mẽ, có khả năng cung cấp nguyên liệu dồi dào cho các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông sản. Là một bộ phận của trí thức KH-CN Việt Nam, trí thức KH-CN Vĩnh Long bên cạnh mang những đặc điểm chung của trí thức Việt Nam còn có những đặc điểm riêng của mình: ĐNTT KH-CN Vĩnh Long có truyền thống hiếu học và được duy trì, phát huy qua nhiều thế hệ; số lượng tuy có tăng nhưng có sự bất hợp lý về trình độ chuyên môn; ĐNTT KH-CN chủ yếu là người ở địa phương. Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, nhất là từ khi triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW của Trung ương và Chương trình hành động số 21-CTr/TU của Tỉnh ủy Vĩnh Long, ĐNTT nói chung và trí thức KH-CN ở Vĩnh Long nói riêng không ngừng tăng lên về số lượng, từng bước nâng cao về chất lượng. Tuy nhiên, công tác xây dựng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất định: Số lượng có tăng nhưng chất lượng chưa nhiều, cơ cấu còn có những bất hợp lý, năng lực NCKH, đặc biệt việc chủ trì thực hiện các đề tài khoa học còn ít, chưa có những tập thể trí thức KH-CN mạnh, chính sách sử dụng và đãi ngộ đối với trí thức chưa thật sự tạo được động lực để trí thức yên tâm công tác và cống hiến, vẫn còn tình trạng chảy máu chất xám... Những kết quả đạt được và những hạn chế, yếu kém như trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có cả chủ quan và khách quan rất cần được nghiên cứu và đưa ra phương hướng, giải pháp để khắc phục nhằm hướng đến xây dựng ĐNTT Vĩnh Long đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH VĨNH LONG

3.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH VĨNH LONG

3.1.1. Tác động của truyền thống văn hóa, truyền thống lịch sử ở Vĩnh Long

Vĩnh Long không chỉ được biết đến là vùng đất học phương Nam, vùng đất của những con người có tấm lòng nhân hậu, yêu nước, hiếu khách mà còn được nhắc đến như một vùng đất của những huyền thoại, những vị anh hùng dân tộc. Nơi đây được ví như “cái nôi” đã sinh ra, ươm mầm, nuôi dưỡng những con người ưu tú, xuất sắc, góp phần làm rạng danh quê hương và đất nước. Những giá trị văn hóa truyền thống quý báu đó vừa là điểm sáng cho Vĩnh Long, vừa là nét truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam đã có tác động, ảnh hưởng một cách mạnh mẽ đến nhận thức và hành động của người dân, của Đảng bộ và chính quyền nơi đây.

3.1.2. Tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa cùng với hội nhập quốc tế là một xu thế khách quan và tất yếu của thời đại, diễn ra trên quy mô toàn cầu, tác động mạnh mẽ đến mọi quốc gia và

khu vực, đến tất cả các giai cấp, tầng lớp, trong đó có trí thức KH-CN. Sự tác động của quá trình này đối với ĐNTT vốn đa dạng, nhiều chiều, nhưng cơ bản là vừa tạo ra cơ hội đồng thời vừa tạo ra thách thức. Về cơ hội, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế giúp mở ra nhiều cơ hội cho Việt Nam thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường lao động, tăng cường hợp tác về GD&ĐT, trao đổi, giao lưu học thuật nâng cao trình độ chuyên môn cho ĐNTT KH-CN... Bên cạnh những cơ hội, lợi thế mà tiến trình này mang lại, hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa cũng đã, đang đặt ra những yêu cầu, thách thức, tiềm ẩn một số tác động tiêu cực đến việc xây dựng ĐNTT KH-CN cần được quan tâm và có giải pháp khắc phục.

3.1.3. Tác động từ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Quá trình xây dựng và phát triển nền KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang có những tác động, ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến công tác xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, trong đó có ĐNTT KH-CN. Trước hết, KTTT có tác động tích cực đến công tác xây dựng ĐNTT thông qua việc thúc đẩy nâng cao chất lượng ĐNTT KH-CN, nâng cao vị thế xã hội của trí thức, mở rộng cơ hội việc làm cho trí thức... Bên cạnh những mặt tích cực, quá trình phát triển KTTT cũng có những ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến công tác xây dựng ĐNTT KH-CN, chẳng hạn như: làm thương mại hóa ĐNTT, chảy máu chất xám, xuống cấp đạo đức...

3.1.4. Tác động của cuộc Cách mạng khoa học - công nghệ

Cuộc Cách mạng KH-CN hiện đại tác động to lớn đến trí thức KH-CN. Cụ thể, nó thúc đẩy ĐNTT nâng lên về số lượng, nâng cao về trình độ; tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho trí thức KH-CN; giúp ĐNTT KH-CN có điều kiện mở rộng không gian nghiên cứu và sáng tạo thông qua việc tiếp cận kho tàng kiến thức KH-CN của nhân loại, tham gia vào các diễn đàn hợp tác khoa học quốc tế, cập nhật nhanh chóng những công nghệ mới nhất... Tuy nhiên, bên cạnh đó, cuộc cách mạng này cũng đặt ra một số tác động tiêu cực như: tạo ra sự thay đổi trong cơ cấu lao động giữa các ngành nghề dẫn đến tình trạng dư thừa lao động ở một số lĩnh vực, nhất là lao động chưa được đào tạo về chuyên môn; sự giảm sút khả năng tư duy phản biện và sáng tạo của trí thức; tội phạm công nghệ cao,...

3.2. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TỈNH VĨNH LONG

3.2.1. Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ ở Vĩnh Long phải gắn bó chặt chẽ với tiến trình xây dựng đội ngũ trí thức của tỉnh cũng như của cả nước và nằm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của quốc gia

Ở Việt Nam, trong những năm qua mục tiêu xây dựng ĐNTT đã được Đảng ta xác định rất rõ ràng, rất cụ thể đó là: xây dựng trí thức Việt Nam ngày càng lớn mạnh, số lượng ngày càng đông và có chất lượng cao để có thể đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Chính vì thế, việc xây dựng ĐNTT và nhất là trí thức KH-CN Vĩnh Long không được nằm ngoài mục tiêu chung này; cụ thể: xây dựng ĐNTT KH-CN Vĩnh Long lớn mạnh về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ trí thức cả nước, để

tiếp thu và làm chủ các công nghệ mới, đáp ứng tiến trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, đưa Vĩnh Long trở thành một tỉnh giàu đẹp, đậm đà bản sắc dân tộc.

3.2.2. Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ gắn liền với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở tỉnh Vĩnh Long

Ở Việt Nam cũng như ở Vĩnh Long, xây dựng ĐNTT, trong đó có trí thức KH-CN với phát triển KT-XH, đẩy mạnh CNH, HĐH là những yêu cầu, nhiệm vụ không tách rời nhau về cả trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn. Và theo đó, công tác xây dựng ĐNTT nhất thiết phải gắn chặt với từng mục tiêu cụ thể trong yêu cầu, nhiệm vụ phát triển KT-XH và yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH ở Vĩnh Long từng năm, từng giai đoạn.

3.2.3. Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ gắn liền với phát triển khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh

Là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Vĩnh Long đã và đang không ngừng nỗ lực thực hiện phát triển KT-XH và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Để đạt được mục tiêu này, tỉnh cần phát huy thế mạnh của KH-CN. Tuy nhiên, việc phát triển KH-CN không thể tách rời với việc xây dựng và phát triển ĐNTT KH-CN - Những người có năng lực nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn. Trong bối cảnh đó, xây dựng ĐNTT KH-CN cần phải được gắn kết chặt chẽ với sự phát triển KH-CN của tỉnh. Việc xây dựng ĐNTT KH-CN gắn liền với phát triển KH-CN là một định hướng mang tính chiến lược và cần thiết đối với tỉnh Vĩnh Long. Xây dựng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long phải gắn với phát triển KH-CN bởi KH-CN đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh CNH, HĐH.

3.3. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH VĨNH LONG

3.3.1. Nhóm giải pháp về nhận thức

Một là, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về vị trí, vai trò quan trọng của ĐNTT KH-CN đối với quá trình CNH, HĐH ở Vĩnh Long.

Thứ nhất, Đảng bộ và chính quyền Vĩnh Long cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về vai trò của trí thức KH-CN đối với sự phát triển KT-XH của địa phương trong toàn hệ thống chính trị, đặc biệt là cán bộ chủ chốt các cấp.

Thứ hai, tăng cường phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về vai trò, tầm quan trọng của trí thức KH-CN trong quá trình CNH, HĐH ở Vĩnh Long.

Thứ ba, tăng cường đưa công nghệ thông tin đến khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng có đông DTTS để đáp ứng yêu cầu tiếp cận thông tin nhằm nâng cao nhận thức trong người dân.

Hai là, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị sử dụng trí thức về tầm quan trọng và sự cần thiết của công

tác xây dựng ĐNTT KH-CN trong giai đoạn hiện nay.

Thứ nhất, các sở, ban ngành tỉnh, thành phố, huyện, thị ở Vĩnh Long cần chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò và sự cần thiết của công tác xây dựng ĐNTT KH-CN.

Thứ hai, tiếp tục tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ sở GD&ĐT và các tổ chức KH-CN với các phương tiện truyền thông để phổ biến, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng ĐNTT của Trung ương và của tỉnh Vĩnh Long.

Thứ ba, cần làm cho tất cả mọi người nhận thức được rằng việc tham gia đào tạo, xây dựng ĐNTT KH-CN là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của các cấp chính quyền, của doanh nghiệp và của bản thân mỗi người dân.

3.3.2. Nhóm giải pháp về giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ

Một là, đối với GD&ĐT.

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các chuyên ngành đào tạo, các hình thức đào tạo đi liền với nâng cao chất lượng đào tạo ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ĐNTT KH&CN; trong đó chú trọng đào tạo ĐNTT ở những ngành, lĩnh vực mà địa phương đang cần.

Thứ ba, thực hiện tốt phương châm đào tạo gắn với việc làm, đào tạo gắn với sử dụng và đào tạo theo nhu cầu xã hội.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác hướng nghiệp từ bậc phổ thông đến bậc đại học, bảo đảm cho người học có một định hướng đúng đắn về ngành, nghề mà mình theo đuổi, từ đó xác định mục đích, động cơ, thái độ học tập rõ ràng.

Hai là, đối với KH-CN.

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò nền tảng, động lực của KH-CN trong phát triển KT-XH, xây dựng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long.

Thứ hai, tập trung đầu tư phát triển các tổ chức KH-CN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, đảm bảo hình thành các tổ chức KH-CN, các trung tâm nghiên cứu KH-CN mạnh.

Thứ ba, cần sớm ban hành cơ chế, chính sách, chương trình hành động nhằm thúc đẩy phát triển thị trường KH-CN, doanh nghiệp KH-CN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

3.3.3. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

Một là, tiếp tục xây dựng, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với ĐNTT KH-CN.

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền tỉnh Vĩnh Long về vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với ĐNTT KH-CN.

Thứ hai, tiến hành rà soát, tổng kết đánh giá các cơ chế, chính sách, quy định hiện có đối với ĐNTT KH-CN.

Thứ ba, có cơ chế, chính sách để tạo động lực cho trí thức KH-CN ở Vĩnh Long tự rèn luyện, phấn đấu vươn lên.

Hai là, thực hiện tốt chính sách về tuyển dụng, bố trí, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức KH-CN

Thứ nhất, đối với chính sách tuyển dụng, bố trí ĐNTT KH-CN.

Trước hết, cần phải đảm bảo công khai thông tin tuyển dụng đối với trí thức KH-CN. Tiếp đến, cụ thể hóa điều kiện tuyển dụng và sắp xếp cán bộ là trí thức KH-CN theo hướng minh bạch, công bằng, dân chủ. Sau cùng, trong phân công, bố trí công việc đối với ĐNTT KH-CN phải đảm bảo phù hợp, lấy hiệu quả công việc làm thước đo trong quá trình đánh giá.

Thứ hai, đối với chính sách thu hút ĐNTT KH-CN.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, tạo ra các không gian làm việc sáng tạo, khuyến khích sự hợp tác và trao đổi ý tưởng trong ĐNTT. Tạo điều kiện, hỗ trợ cho các nhà khoa học tự do theo đuổi các dự án nghiên cứu sáng tạo. Mặt khác, cần có chính sách thu hút hấp dẫn như về nhà ở, chính sách lương, thưởng...

Thứ ba, đối với chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức KH-CN.

Tiếp tục hoàn thiện, đổi mới chế độ, chính sách trọng dụng, đãi ngộ đối với trí thức KH-CN. Có cơ chế, chính sách cụ thể trong trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức KH-CN.

Ba là, có chính sách đặc thù đối với ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long.

Thứ nhất, chính sách về nhà ở, trang thiết bị làm việc cho trí thức KH-CN.

Thứ hai, chính sách về quy hoạch, bổ nhiệm đối với trí thức KH-CN.

Thứ ba, chính sách thưởng bằng vật chất theo thành tích đối với ĐNTT KH-CN.

3.3.4. Nhóm giải pháp về tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Thứ nhất, tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH-CN.

Thứ hai, tăng cường đầu tư ngân sách và huy động sự đóng góp của các nguồn lực xã hội cho hoạt động nghiên cứu, phát triển KH&CN tại địa phương.

Thứ ba, thành lập quỹ phát triển KH-CN tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở huy động nguồn vốn từ ngân sách và nguồn vốn xã hội khác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3.3.5. Nhóm giải pháp về mở rộng quan hệ hợp tác khoa học - công nghệ trong nước và quốc tế

Một là, tăng cường hợp tác về NCKH và chuyển giao công nghệ trong nước và ngoài nước.

Thứ nhất, chủ động, tích cực trong thực hiện liên kết, hợp tác với những quốc gia có trình độ KH-CN tiên tiến trên thế giới.

Thứ hai, phát huy vai của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh trong triển khai hợp tác NCKH với các trường đại học trong nước, nước ngoài và các cá nhân là chuyên gia nước ngoài.

Thứ ba, đẩy mạnh thực hiện liên kết, phối hợp liên vùng để xây dựng, phát triển ĐNTT KH-CN ở tỉnh Vĩnh Long.

Thứ tư, tăng cường hỗ trợ các đơn vị, tổ chức KH-CN, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các diễn đàn KH-CN trong nước và quốc tế.

Thứ năm, xây dựng, phát triển nhóm nghiên cứu KH-CN mạnh.

Hai là, xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài về KH-CN tại tỉnh Vĩnh Long.

Thứ nhất, xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về môi trường đầu tư trong thu hút nhà đầu tư về KH-CN từ nước ngoài.

Thứ hai, xây dựng cơ chế, chính sách thu hút các chuyên gia, nhà đầu tư KH-CN từ nước ngoài.

Thứ ba, chủ động mời gọi, thu hút nhà đầu tư có tiềm lực vào đầu tư các lĩnh vực KH-CN, các dự án trọng điểm.

Thứ tư, thường xuyên tổ chức các cuộc hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc với các nhà đầu tư về KH-CN trong nước và nước ngoài tại Vĩnh Long để kịp thời giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn.

Kết luận chương 3

Xây dựng ĐNTT nói chung, ĐNTT KH-CN nói riêng là một nội dung, nhiệm vụ cực kỳ quan trọng đối với Đảng bộ, chính quyền tỉnh Vĩnh Long. Để góp phần xây dựng ĐNTT KH-CN Vĩnh Long ngày càng đông và mạnh, việc xác định và chỉ ra các yếu tố tác động cũng hết sức cần thiết. Đối với Vĩnh Long, là địa phương có bề dày truyền thống văn hóa, lịch sử gần 300 năm, điều này đã tác động rất lớn đến xây dựng ĐNTT KH-CN của tỉnh. Bên cạnh đó, trong xu thế hiện nay, quá trình xây dựng ĐNTT Vĩnh Long còn chịu tác động, ảnh hưởng từ nhiều yếu tố như: tác động của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; tác động của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tác động của cuộc Cách mạng KH-CN hiện đại. Xuất phát từ thực trạng, cùng với các yếu tố tác động đến xây dựng ĐNTT Vĩnh Long, để nâng cao chất lượng của công tác này, địa phương cần nắm vững một số phương hướng chỉ đạo cơ bản mang tính định hướng như: Xây dựng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long phải gắn bó chặt chẽ với tiến trình xây dựng ĐNTT của tỉnh cũng như của cả nước và nằm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của quốc gia; Xây dựng ĐNTT KH-CN gắn liền với yêu cầu phát triển KT-XH, đẩy mạnh CNH, HĐH ở tỉnh Vĩnh Long; Xây dựng ĐNTT KH-CN gắn liền với phát triển KH-CN, đào tạo nguồn nhân lực. Việc xác định những phương hướng chỉ đạo trong xây dựng ĐNTT là cần thiết, song để công tác này thật sự có hiệu quả, Vĩnh Long cần nhận thức và chú trọng thực hiện đồng bộ nhiều nhóm giải pháp, trong đó cần tập trung: nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng trong công tác xây dựng ĐNTT đối với quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH ở Vĩnh Long; hoàn thiện, bổ sung các cơ chế, chính sách về xây dựng ĐNTT; đẩy mạnh thực hiện phát triển GD&ĐT và KH-CN; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí cho nghiên cứu, ứng dụng và

chuyển giao công nghệ; đẩy mạnh mở rộng quan hệ hợp tác KH-CN trong nước và quốc tế. Các nhóm giải pháp xây dựng ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long mang tính hệ thống, có sự liên kết, gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau. Do đó, cần thực hiện đầy đủ và đồng bộ thì việc xây dựng đội ngũ này mới đạt được nhiều kết quả, mục tiêu như đã đề ra.

KẾT LUẬN CHUNG

Vĩnh Long là vùng đất vốn có nhiều tiềm năng cho sự phát triển KT-XH. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, cho đến nay, tỉnh vẫn chưa đạt được những bứt phá trong bức tranh phát triển về KT-XH so với các địa phương lân cận. Do đó, tiến hành đẩy mạnh CNH, HĐH để đưa Vĩnh Long vươn lên trở thành một vùng giàu về kinh tế và có sự phát triển bền vững về mọi mặt là vấn đề hết sức cấp bách, cần thiết. Tuy nhiên, để có thể khai thác và phát huy được các tiềm năng, thế mạnh hiện có của địa phương, trước hết đòi hỏi tỉnh cần phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ chuyên môn, am hiểu về Vĩnh Long, mà tiêu biểu là ĐNTT KH-CN.

Để có cơ sở đánh giá đúng, đầy đủ về ĐNTT KH-CN ở Vĩnh Long, luận án đã tập trung nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện các vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến việc xây dựng ĐNTT KH-CN. Đặc biệt, luận án còn xây dựng khung lý thuyết về nội dung xây dựng ĐNTT KH-CN. Từ khung lý thuyết sẵn có, luận án đi sâu vào đánh giá thực trạng công tác xây dựng ĐNTT KH-CN tại tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2025. Bên cạnh việc chỉ ra những kết quả quan trọng đã đạt được, luận án cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế và phân tích nguyên nhân của những hạn chế, bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan. Từ phân tích thực trạng và nhận diện các vấn đề đặt ra đối với xây dựng ĐNTT KH-CN, luận án đã đề xuất một số phương hướng và một số nhóm giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng ĐNTT ở Vĩnh Long trong thời gian tới như: nhóm giải pháp về nhận thức; nhóm giải pháp về GD&ĐT, KH-CN; nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách; nhóm giải pháp về đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật; nhóm giải pháp về đẩy mạnh hợp tác KH-CN trong nước và quốc tế. Việc thực hiện đầy đủ và đồng bộ các nhóm giải pháp này sẽ góp phần tích cực trong nâng cao chất lượng xây dựng ĐNTT KH-CN tại địa phương. Từ đó, giúp cho Vĩnh Long có được một nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH, phát triển KT-XH trong điều kiện mới, kỷ nguyên mới.